

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang.
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST - DS ngày 20/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2024/QĐST - DS ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín .

Địa chỉ trụ sở: Số 266 - 268 N, phường Võ Thị S, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh H - Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Q - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Người được ủy quyền lại: Bà Thái Thị L, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, theo Văn bản ủy quyền số: 92/2024/ GUQ-CNQN1 ngày 04/4/2024 .(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Nh, sinh 1998 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nghĩa L, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, bản tự khai ngày 20/ 6/2024, bản trình bày ngày 20/9/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/3/2022 ông Trần Ngọc Nh có ký với Ngân hàng TMCP Thương Tín- Chi nhánh Q hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng áp dụng tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Nh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng, ông Nh đã thực hiện các giao dịch 11 lần với tổng số tiền 39.597.600 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt thẻ đến nay ông Nh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.589.425 đồng được trừ thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, cụ thể: Trừ vào tổng tiền lãi trong hạn: 15.606.062 đồng, phí trễ hạn thanh toán: 1.607.004 đồng, phí vượt hạn mức: 434.670 đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt...): 1.322.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 39.579.600 đồng, sau khi trừ thì số tiền còn thiếu 34.959.911 đồng. Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nh vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 26 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ. Từ ngày 11/01/2024 tính đến ngày 20/9/2024 ông Nhất còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 46.658.004 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.539.911 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.078.728 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.039.365 đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (viết tắt SaccombankK) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Ngọc Nh phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/9/2024 là 46.658.004 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.539.911 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.078.728 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.039.365 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/9/2024 cho đến khi trả nợ xong theo hợp đồng.

- Bị đơn ông Trần Ngọc Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Trần Ngọc Nh không chấp hành đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương

Tín. Buộc bị đơn ông Trần Ngọc Nh phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 20/9/2024 là 46.658.004 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.539.911 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.078.728 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.039.365 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/9/2024 cho đến khi trả nợ xong theo hợp đồng.

Về án phí: Ông Trần Ngọc Nh phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Ngọc Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nghĩa L, huyện T, tỉnh Q, ngoài ra không có địa chỉ cư trú nào khác nên Tòa án nhân dân huyện T căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Theo biên bản xác minh ngày 29/7/2023 của Công an xã Nghĩa L cho biết ông Trần Ngọc Nh có hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện nay ông Nh đi đâu, sinh sống làm ăn tại địa phương nào địa phương không biết vì ông Nh không báo với chính quyền địa phương. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án các văn bản tố tụng Tòa án đều thực hiện đầy đủ và hợp lệ được quy định tại các Điều 173, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định: Trường hợp của bị đơn ông Trần Ngọc Nh trong vụ án này được xem là cố tình giấu địa chỉ. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 09/9/2024.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: “*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1976971 ngày 19/3/2022, sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn, Bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi vay của khách hàng Trần Ngọc Nh (Bút lục số: 48 49,50,51,55,56,57,58)*”; xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1976971 ngày 19/3/2022 được thỏa thuận ký kết giữa ông Trần Ngọc Nh với Ngân hàng Sacombank trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật (*Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng*). Do đó, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1976971 ngày 19/3/2022 có hiệu lực và việc bị đơn ông Trần Ngọc nh không trả nợ đúng hạn thể hiện tại “*Bảng kê chi tiết nợ*

gốc và lãi vay đối với khách hàng ông Trần Ngọc nh tính đến hết ngày 20/9/2024 do Sacombank – chi nhánh Q lập ngày 20/9/2024 (Bút lục số 105)” là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận quy định tại Điều 4 và Điều 8 trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, Ngân hàng Sacombank có quyền khởi kiện để thu hồi nợ và bị đơn ông Trần Ngọc Nh phải có nghĩa vụ trả nợ cho Sacombank. Vì vậy, toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Sacombank về việc buộc bị đơn ông Trần Ngọc Nh phải trả cho Sacombank tổng số tiền nợ là 46.658.004 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.539.911 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.078.728 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.039.365 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 20/9/2024) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1976971 ngày 19/3/2022 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3]. Về án phí: Ông Trần Ngọc Nh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Sacombank.

[4]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Trần Ngọc Nh phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 46.658.004 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, không trăm linh bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc: 34.539.911 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.078.728 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.039.365 đồng (*tiền lãi tạm tính đến hết ngày 20/9/2024*) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1976971 ngày 19/3/2022.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc Nh phải chịu số tiền 2.332.900 đồng (*Hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm đồng*) (34.539.911 đồng x 5%), án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 1.027.200 đồng (*Một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003903 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông

Trước khi kết hôn chị và anh Duy có tìm hiểu yêu đương do ông thương hoàn cảnh gia đình của cô Thiện. Ông và cô Thiện đến đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/8/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính khí cô Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, sự chênh lệch về tuổi tác quá lớn. Ông và con thường xuyên khuyên giải nhưng bản tính cô Thiện không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ với nhau.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn anh Phan Thị Ngọc Thiện.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006. Ông yêu cầu được quyền nuôi con yêu cầu Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có (không nợ Ngân hàng và cũng không nợ bất kỳ ai).

- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc Thiện đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà Thiện không có văn bản trình bày ý kiến, đến Tòa để làm việc bà từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu. Ông Châu phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015,

Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho bà Phan Thị Ngọc Thiện được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Thiện Điều không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Bà Thiện vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Châu và bà Phan Thị Ngọc Thiện có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của ông Châu trong quá trình vợ chồng ông, bà chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tuổi tác chênh lệch, tính khí bà Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, tình cảm vợ chồng không còn. Ông xin được ly hôn bà Thiện.

Đối với bà Phan Thị Thiện trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập bà đến làm việc thì bà không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án mà có văn bản không đúng với nội dung mà Tòa không yêu cầu, không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né. Bà Thiện cũng đã nhận nhiều văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến, Hội đồng xét xử cần phê phán thái độ thiếu ý thức của bà Thiện.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng ông Châu và bà Thiện không làm được. Cụ thể vào năm 2012 ông Châu có khởi kiện ly hôn, Tòa đã thụ lý nhưng sau đó ông Châu rút đơn khởi kiện và về chung sống lại với bà Thiện. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng ông bà tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, tuy ông bà ở chung một nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau, sống ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho ông Châu bà Thiện có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006, ông Nguyễn Văn Châu xin được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của Châu Hiền được ở với ông Châu, nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa ông Châu thay đổi ý kiến không yêu cầu bà Thiện cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Châu, bà Thiện xét thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng thì ông bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Châu trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Châu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006 cho ông Nguyễn Văn Châu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Châu không yêu cầu anh Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly

hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Châu chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Châu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007199 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

***Các Hội thân nhân dân
tòa***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Tân Văn Dũng

Chu Thị An

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
THẨM

-TAND tỉnh Quảng Ngãi;

tòa

-VKSND huyện Tư Nghĩa;

- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;

- UBND TT La Hà, huyện Tư Nghĩa;

- Những người tham gia tố tụng;

- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ